

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HC-PT.

Ngày 26-7-2019.

V/v khiếu kiện quyết định
hành chính và hành vi hành
chính trong lĩnh vực quản lý
hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Luật.

Các thẩm phán:

1. Ông Bùi Văn Tâm;
2. Ông Nguyễn Đắc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trầm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 26 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2019/TLPT-HC ngày 03 tháng 5 năm 2019, về việc khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý hành chính.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXPT-HC ngày 30/5/2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Nh (tên gọi khác là Ngọc T), sinh năm 1957; địa chỉ: Số D, tổ 39, khu phố x, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Vũ Thiên V, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp Y, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Theo Hợp đồng ủy quyền số 13631 ngày 17/10/2017 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị G). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lâm Phú X - Luật sư Văn phòng Luật sư Phú X thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Số A đường Q, khu phố N, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người bị kiện:*

+ Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T;

Cùng địa chỉ: Phường C, Thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Phạm Thị Huê D, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND Phường C, Thành phố T, là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Phạm Thị Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện bà Phạm Thị Nh trình bày:*

Ngày 04/8/2017, bà Phạm Thị Nh có đơn xin các nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất. Bà Nh cho rằng nguồn gốc đất do cha ông để lại như sau: Phần đất mà bà Nh đang ở là đất của ông Mai Văn Đ (cha của ông Mai Văn G). Nhưng sau khi ông Mai Văn Đ bỏ đi kinh tế mới thì người có công khai phá, bảo quản, giữ gìn và phát triển vào thời điểm còn chiến tranh, xe tăng thiết giáp còn đóng quân tại Thủy Lợi là ông Phạm Văn Ph. Sau khi ông Mai Văn Đ trở về thì thấy ông Phạm Văn Ph có công khai phá, giữ gìn nên đã để lại cho ông Phạm Văn Ph sử dụng. Năm 1995, ông qua đời để lại cho bà Nh và gia đình chôn ông Ph trên mảnh đất trước mặt tiền đường phía tay trái lối đi lên chỗ ở hiện nay cùng ông chú và người em kết nghĩa chung một chỗ cùng một số ngôi mộ khác. Vì vậy vào năm làm sổ đại trà nhà nước ghi là mồ mã thân tộc và bà Nh đã tiếp tục khai thác, bảo quản đất cho đến ngày nay. Hiện nay ông Mai Văn G là con của ông Mai Văn Đ có xác nhận nguồn gốc đất là do ông Phạm Văn Ph để lại cho bà Phạm Thị Nh đang sử dụng là do cha ông G để lại và không có tranh chấp.

Ngày 15/8/2017, UBND Phường C, Thành phố T có Văn bản số 234/UBND-ĐC về việc trả lời đơn xin xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của bà Phạm Thị Nh với kết luận: Việc xin xác nhận nguồn gốc đất với diện tích khoảng 2.400m² thuộc thửa đất số 356-357, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại tổ 39, khu phố 5, phường C là bà Nh không đủ các điều kiện nên UBND Phường C, Thành phố T không thể xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của bà Phạm Thị Nh để hợp thức hóa phần đất thổ mộ có diện tích như trên.

Do không đồng ý với việc trả lời của UBND phường C tại Văn bản số 234/UBND-ĐC ngày 15/8/2017, bà Nh có đơn khiếu nại văn bản trên nên ngày 09/10/2017 Chủ tịch UBND phường C có Văn bản số 391/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Nh, nội dung bác đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Nh.

Do vậy, bà Phạm Thị Nh khởi kiện yêu cầu hủy: Văn bản số 234/UBND-ĐC ngày 15/8/2017 của UBND Phường C, Thành phố T; Văn bản số 391/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND phường C về việc giải quyết đơn

kiếu nại của bà Phạm Thị Nh; Yêu cầu UBND phường C thực hiện hành vi hành chính về việc xác nhận phần đất có diện tích 2.400m² thuộc thửa đất số 356-357, tờ bản đồ số 55, đất tọa lạc tại tổ 39, khu phố x, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương là sử dụng ổn định, liên tục, lâu dài từ năm 1968 không có tranh chấp và đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

** Người đại diện hợp pháp của người bị kiện bà Phạm Thị Huê D trình bày:*

Trước giải phóng, ông Ph tên thường gọi là Sáu không lồ (là cha ruột của bà Phạm Thị Nh) từ Tân Khánh (nay là phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên) đến C cư ngụ tại Cống Bà Núi nay thuộc khu phố 6, Phường C, Thành phố T. Sau giải phóng, ông Phạm Văn Ph lên gò làm thuê cho ông Nguyễn Văn Tr (tên thường gọi là bảy Tr – là cha của bà Nguyễn Thị T) và được ông Tr chỉ dẫn cho ông Ph tìm đến thân tộc của ông Mai Văn Đ để xin được tạm canh tác trên phần đất của ông Mai Văn Đ để lại do nghĩ rằng của họ Mai. Tuy nhiên phần đất này trước giải phóng sư đoàn thiết giáp và sư đoàn 306 của chế độ cũ chiếm đóng, trưng dụng làm ấp chiến lược nên gia đình ông G cũng không quản lý. Khi được UBND phường tạm giao đất canh tác thì ông Phạm Văn Ph tiếp tục lấn chiếm thêm phần đất xung quanh và lại bao chiếm luôn cả phần đất thổ mộ của nhân dân chôn cất. Sau khi ông Phạm Văn Ph chết thì bà Phạm Thị Nh tiến hành kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà đối với phần đất có diện tích khoảng 4.128 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04680 do UBND thị xã T cấp ngày 30/6/2005. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Nh đã lần lượt chuyển nhượng tất cả. Riêng phần đất thổ mộ thuộc thửa đất số 356-357, tờ bản đồ số 55 có diện tích khoảng 2.400m² ông Phạm Văn Ph và kể cả bà Phạm Thị Nh cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (vì đây là đất mồ mã do nhà nước quản lý). Đây chính là phần đất hiện bà Phạm Thị Nh đang có đơn xin xác nhận nguồn gốc đất.

UBND phường C đã ban hành Báo cáo số 78/BC-UBND ngày 04/5/2017 về tình hình di dời mồ mã trái phép nhằm hợp thức hóa quyền sử dụng đất nghĩa địa; báo cáo toàn bộ quá trình xác minh, thẩm tra và kiến nghị UBND thành phố T và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T nhanh chóng hỗ trợ địa phương cắm mốc hai khu đất nghĩa địa mà bà Nh xin hợp thức hóa để đưa vào quỹ đất công của phường quản lý nhằm sử dụng vào mục đích công cộng, kiên quyết không xem xét, giải quyết cho hợp thức hóa đối với hai phần đất thổ mộ nêu trên. Đến ngày 09/5/2017, UBND thành phố T ban hành Công văn số 852/UBND-KT về việc giải quyết tình hình di dời mồ mã trái phép trên địa bàn phường C. Tuy nhiên, qua hai lần khảo sát để cắm mốc bà Nh không hợp tác và có đơn xin UBND phường xác nhận nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất thổ mộ thuộc thửa đất số 356-357.

Hiện trạng trên khu đất thổ mộ thuộc thửa đất số 356-357, tờ bản đồ số 55 có khoảng 24 ngôi mộ (có khoảng 10 ngôi mộ của lính chế độ cũ), trong đó có

ngôi mộ của ông Mai Văn Đ1 là ngôi mộ đá ong vẫn có tồn tại nguyên vẹn, tiếp giáp đường Cách Mạng Tháng Tám – Nguyễn Tri Phương. Thời điểm cuối năm 2016 và quý I/2017, bà Nh tự thỏa thuận với các chủ ngôi mộ di dời bốc 23 ngôi mộ trên phần đất mộ tại thửa 356-357, tờ bản đồ số 55, đất tọa lạc tại tổ 39, khu phố 5, phường C để cải tạo thành đất sạch mà không xin phép cơ quan có thẩm quyền và trong đơn yêu cầu xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất ngày 04/8/2017 bà Nh cũng không chứng minh được việc quản lý, sử dụng đất và kê khai đăng ký qua các thời kỳ mà chính sách đất đai quy định.

Tại buổi làm việc ngày 15/9/2017, bà Nh vắng mặt và ông Trần Ngọc H (con trai bà Nh) đã không bổ sung hoặc cung cấp thông tin hay giấy tờ liên quan chứng minh quá trình quản lý, sử dụng và kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với khu đất bà Nh đang xin hợp thức hóa.

Trong đơn yêu cầu xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đề ngày 04/8/2017 và tại buổi làm việc ngày 15/9/2017 theo quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, bà Phạm Thị Nh không có bất kỳ giấy tờ gì nộp cho UBND phường C để chứng minh được việc quản lý, sử dụng đất và kê khai đăng ký qua các thời kỳ mà chính sách đất đai quy định. Phần đất thổ mộ bà Phạm Thị Nh xin giao không nằm trong Quyết định giao quỹ đất công do UBND phường C quản lý. Tuy nhiên, phần đất này trước đây có nguồn gốc đất nghĩa địa làng và nằm trong phạm vi áp chiến lược của chế độ cũ, nên phần đất này vẫn được xem là đất công do nhà nước quản lý.

Mặt khác, tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tờ khai xác minh mốc thời gian sử dụng đất ngày 19/01/2005 của bà Nh xác định diện tích đất xin đăng ký là 4.128 m² không kê khai các phần đất có mồ mả. Bà Phạm Thị Nh đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 4.027,7 m² phần diện tích này đã bất cập rất nhiều so với diện tích khoảng 1000 m² trước đây tạm giao cho ông Phạm Văn Ph (cha của bà Nh). Bà Phạm Thị Nh sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã lần lượt chuyển nhượng hết diện tích đất được cấp, nay lại yêu cầu xin được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất thổ mộ là không phù hợp.

Do vậy, Chủ tịch và UBND phường C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Nh.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, quyết định:

“1./ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Nh về việc yêu cầu hủy Văn bản số 234/UBND-ĐC ngày 15/8/2017 của UBND Phường C, Thành phố T, tỉnh Bình Dương; Văn bản số 391/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND phường C về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Nh; Yêu cầu UBND phường C phải thực hiện hành vi hành chính về việc xác nhận phần đất có diện tích 2.400m² thuộc thửa đất số 356-357, tờ bản đồ số 55, đất tọa lạc tại Tổ 39, Khu phố x, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương là sử dụng ổn định, liên

tục, lâu dài từ năm 1968 không có tranh chấp và đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.”

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/11/2018, người khởi kiện bà Phạm Thị Nh kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét sửa bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Nh:

+ Hủy Văn bản số 234/UBND-ĐC ngày 15/8/2017 của UBND Phường C, Thành phố T;

+ Hủy Văn bản số 391/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND phường C về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Nh;

+ Yêu cầu UBND phường C thực hiện hành vi hành chính về việc xác nhận phần đất có diện tích 2.400m² thuộc thửa đất số 356-357, tờ bản đồ số 55, đất tọa lạc tại tổ 39, khu phố x, phường C, thành phố T là sử dụng ổn định, liên tục, lâu dài từ năm 1968 không có tranh chấp và đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:*

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Nh về việc yêu cầu hủy Văn bản số 234/UBND-ĐC ngày 15/8/2017 của UBND Phường C, Thành phố T và Văn bản số 391/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND phường C là hoàn toàn không đúng với thực tế quá trình sử dụng đất của bà Phạm Thị Nh. Phần đất có diện tích khoảng 2.400m² thuộc thửa 356, 357 tờ bản đồ số 55, bà Nh đã sử dụng ổn định, liên tục, lâu dài từ năm 1968, không có ai tranh chấp và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013.

Phần đất này không tranh chấp với ai, kể cả UBND phường C, vì phần đất này không nằm trong quỹ đất công của UBND phường C. Bên cạnh đó, tất cả phần mộ mà bà Nh đã bốc mộ di dời cũng được sự đồng thuận của các gia đình là chủ các ngôi mộ, điều này chứng minh rằng những người này đều thừa nhận phần đất này có nguồn gốc là của cha bà Phạm Thị Nh để lại cho bà Nh quản lý sử dụng cho đến nay.

Văn bản số 234/UBND-ĐC ngày 15/8/2017 của UBND Phường C, Thành phố T xác nhận phần đất có diện tích khoảng 2.400m² thuộc thửa 356, 357 tờ bản đồ số 55 là đất mồ mả do Nhà nước quản lý là hoàn toàn không có căn cứ vì đây không phải là đất công do Nhà nước quản lý. Trên bản đồ địa chính không thể hiện diện tích 2.400m² là đất công. Phần đất này đã được bà Nh xây dựng hàng rào xung quanh để bảo vệ đất và cũng nằm trong khuôn viên phần đất có diện tích 4.026,4m² được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Lý do phần đất có diện tích 2.400m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do trên đất có một số ngôi mộ nên các cấp chính quyền cho

rằng bà Nh phải bốc mộ xong thì mới lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, việc di dời các ngôi mộ này cần phải có kinh phí và phải trải qua các bước về tôn giáo, tín ngưỡng nên cho đến nay bà Nh mới thực hiện được việc di dời các ngôi mộ này. Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND phường C khẳng định rằng phần đất thổ mộ của bà Phạm Thị Nh không nằm trong quyết định giao quỹ đất công do UBND phường C quản lý.

Như vậy, Văn bản số 234/UBND-ĐC ngày 15/8/2017 của UBND Phường C, Thành phố T và Văn bản số 391/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND phường C là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Phạm Thị Nh.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Nh, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, hủy Văn bản số 234/UBND-ĐC ngày 15/8/2017 của UBND Phường C, Thành phố T và Văn bản số 391/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND phường C. Buộc UBND phường C thực hiện hành vi hành chính về việc xác nhận phần đất có diện tích 2.400m² thuộc thửa đất số 356-357, tờ bản đồ số 55, đất tọa lạc tại tổ 39, khu phố x, phường C, thành phố T là sử dụng ổn định, liên tục, lâu dài từ năm 1968 không có tranh chấp và đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

* Ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị Nh. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 19/6/2019, người khởi kiện bà Phạm Thị Nh có đơn xin hủy bỏ hợp đồng ủy quyền với ông Vũ Thiên V, không yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Lâm Phú X. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Phạm Thị Nh xin rút đơn xin hủy bỏ hợp đồng ủy quyền ngày 19/6/2019 và tiếp tục ủy quyền cho ông Vũ Thiên V, yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vũ Thiên V là ông Lâm Phú X.

[2] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Nh làm trong hạn luật định là hợp lệ, được chấp nhận và xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung vụ án thấy rằng:

[3.1] Bà Phạm Thị Nh có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với phần đất có diện tích khoảng 2.400 m² tọa lạc tại tổ 39, khu phố x, phường C, thành phố T để làm các thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.2] Ngày 15/8/2017, UBND Phường C, Thành phố T, ban hành Văn bản số 234/UBND-ĐC về việc trả lời đơn xin xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của bà Nh, nội dung: UBND phường C không thể xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của bà Phạm Thị Nh để hợp thức hóa phần đất thổ mộ nêu trên do không hội đủ các điều kiện.

[3.3] Về nguồn gốc: Phần đất này trước giải phóng Sư đoàn Thiết giáp và Sư đoàn 306 của chế độ cũ chiếm đóng, trưng dụng làm ấp chiến lược. Sau giải phóng, ông Phạm Văn Ph lên gò làm thuê cho ông Nguyễn Văn Tr và được ông Tr chỉ dẫn cho ông Ph tìm đến thân tộc của ông Mai Văn Đ để xin được tạm canh tác trên phần đất này. Tuy nhiên phần đất này trước giải phóng sư đoàn thiết giáp và sư đoàn 306 của chế độ cũ chiếm đóng, trưng dụng làm ấp chiến lược nên gia đình ông G cũng không quản lý. Sau đó, ông Phạm Văn Ph tiếp tục lấn chiếm thêm phần đất xung quanh và cả phần đất thổ mộ của nhân dân chôn cất. Sau khi ông Phạm Văn Ph chết thì bà Phạm Thị Nh tiến hành kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà. Theo hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Nh ngày 19/01/2005 bà Nh chỉ đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích khoảng 4.128 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04680 do UBND thị xã T cấp ngày 30/6/2005 có nguồn gốc cha mẹ khai phá, sử dụng để lại.

[3.4] Tại biên bản kiểm tra địa chính và khảo sát hiện trạng diện tích thực tế sử dụng ngày 30/3/2005 do UBND phường C lập với sự tham gia của bà Phạm Thị Nh và các chủ đất liên ranh thể hiện phần đất bà Nh đăng ký tiếp giáp với các khu đất gò mã thân tộc, điều này cũng thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04680 do UBND thị xã T cấp ngày 30/6/2005.

[3.5] Riêng phần đất thổ mộ thuộc thửa đất số 356-357, tờ bản đồ số 55 có diện tích khoảng 2.400m² bà Phạm Thị Nh xin xác nhận nguồn gốc đất, ông Phạm Văn Ph và bà Phạm Thị Nh không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.6] Qua các biên bản xác minh đối với bà Nguyễn Thị T, ông Mai Văn G, bà Nguyễn Thị Trờ đều xác định phần đất mà bà Nh yêu cầu UBND phường C xác nhận có nguồn gốc là của thân tộc họ Mai trên đất có nhiều ngôi mộ từ thời chế độ cũ có 02 ngôi mộ của thân tộc họ Mai; 09 ngôi mộ của gia đình bên chồng bà Tr1 (ông Trịnh Văn B). Khoảng năm 2017 thì ông Mai Văn G đã bốc dỡ 02 ngôi mộ của thân tộc do khu vực này không sạch sẽ, còn bà Tr1 thì được bà Nh hỗ trợ bốc 09 ngôi mộ với chi phí mỗi ngôi mộ là 10.000.000 đồng. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố T ngày

20/4/2018 thể hiện trên phần đất bà Nh yêu cầu xác nhận nguồn gốc đất vẫn còn một ngôi mộ đá của gia đình ông Trương Văn A.

[3.7] Như vậy, khu đất có diện tích khoảng 2.400 m² (đo đạc thực tế theo sự chỉ ranh của các đương sự có diện tích 3.000,3 m²) mà bà Nh yêu cầu UBND phường C xác nhận có nguồn gốc là đất thổ mộ của nhân dân chôn cất. Không phải do gia đình bà Nh khai phá, sử dụng cũng không phải là đất thổ mộ của thân tộc bà Nh, bà Phạm Thị Nh không cung cấp được các giấy tờ để chứng minh cho việc quản lý, sử dụng đất và kê khai đăng ký qua các thời kỳ mà chính sách đất đai quy định. Do vậy, UBND phường C không xác nhận nguồn gốc đất cho bà Phạm Thị Nh là có căn cứ theo Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

[3.8] Bà Nh cho rằng tại Văn bản số 5250/STNMT-CQQLĐĐ ngày 06/12/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương trả lời đơn cho bà Phạm Thị Nh xác định: Đất gò mả thân tộc do thân tộc, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng không thuộc quỹ đất công do Nhà nước quản lý. Tuy nhiên, tại Văn bản số 2127/STNMT-CCQLĐĐ ngày 23/5/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương xác định: Nội dung Công văn số 5250 không xác nhận cũng như không công nhận khu đất hiện nay bà Nh khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố T là đất của bà Phạm Thị Nh. Do vậy, bà Nh khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 234/UBND-ĐC ngày 15/8/2017 của UBND phường C và yêu cầu UBND phường C thực hiện hành vi hành chính về việc xác nhận phần đất có diện tích 2.400m² thuộc thửa đất số 356-357, tờ bản đồ số 55 tọa lạc tại tổ 39, khu phố x, phường C, thành phố T là sử dụng ổn định, liên tục, lâu dài từ năm 1968 không có tranh chấp và đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà Phạm Thị Nh không cung cấp thêm chứng cứ nào mới để chứng minh, bảo vệ quyền lợi của mình, cho nên không đủ căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nh. Do đó, việc UBND phường C ban hành Văn bản số 234/UBND-ĐC ngày 15/8/2017, không xác nhận nguồn gốc đất cho bà Phạm Thị Nh và Chủ tịch UBND phường C ban hành Văn bản số 391/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 là đúng quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, không chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Nh, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, hủy Văn bản số 234/UBND-ĐC ngày 15/8/2017 của UBND Phường C, Thành phố T và Văn bản số 391/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND phường C. Buộc UBND phường C thực hiện hành vi hành chính theo quy định.

[6] Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên về phần tố tụng: Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát

viên đề nghị bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Nh; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện không phải chịu án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 241 và Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Nh.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, như sau:

1./ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Nh về việc yêu cầu hủy Văn bản số 234/UBND-ĐC ngày 15/8/2017 của UBND Phường C, Thành phố T, tỉnh Bình Dương; Văn bản số 391/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND phường C về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Nh; Yêu cầu UBND phường C phải thực hiện hành vi hành chính về việc xác nhận phần đất có diện tích 2.400m² thuộc thửa đất số 356-357, tờ bản đồ số 55, đất tọa lạc tại Tổ 39, Khu phố x, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương là sử dụng ổn định, liên tục, lâu dài từ năm 1968 không có tranh chấp và đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2./ Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Thị Nh được miễn nộp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3./ Chi phí đo đạc, định giá: Bà Phạm Thị Nh phải nộp số tiền 6.230.771đ (Sáu triệu hai trăm ba mươi nghìn bảy trăm bảy mươi một đồng) khấu trừ tiền tạm ứng chi phí đo đạc, định giá bà Phạm Thị Nh đã nộp trước đây.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị Nh được miễn nộp theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố T;
- VKSND thành phố T;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Luật